

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý IV kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
PHẨM TRUNG ƯƠNG
CODUPHA**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300483319, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA, S=Hà Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-01-21 11:15:38
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.207.628.433.130	1.933.714.163.459
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.939.563.332	21.918.032.395
111	1. Tiền		30.939.563.332	21,918,032,395
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	300.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		300.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.237.800.181.137	1.012.314.639.678
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.192.482.025.839	981,808,523,031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	14.239.289.949	18,251,158,959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	77.277.706.614	48,007,819,080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(46.198.841.265)	(35,752,861,392)
140	IV. Hàng tồn kho	8	926.742.317.136	885.384.170.267
141	1. Hàng tồn kho		927.351.727.404	890,906,558,017
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.410.268)	(5,522,387,750)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.846.371.525	14.097.321.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	45.993.487	1,090,909,101
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.633.059.648	13,006,412,018
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	167.318.390	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		187.874.715.665	200.960.076.863
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.000.000	650.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	650.000.000	650.000.000
220	II. Tài sản cố định		151.369.362.935	164.381.212.491
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	75.575.337.090	85,707,370,414
222	Nguyên giá		185.544.195.499	200,228,562,385
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(109.968.858.409)	(114,521,191,971)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	75.794.025.845	78,673,842,077
228	Nguyên giá		97.704.403.845	98,336,207,145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.910.378.000)	(19,662,365,068)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		540.900.000	315.000.000
	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	540.900.000	315.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	33.409.457.030	33.856.558.900
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.936.972.307	4,384,074,177
			29.472.484.723	29,472,484,723
			-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.904.995.700	1.757.305.472
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.904.995.700	1,757,305,472
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,395,503,148,795	2.134.674.240.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.168.842.454.326	1.917.466.114.237
310	I. Nợ ngắn hạn		2.139.693.522.394	1.888.267.538.425
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	1.126.698.678.890	996,223,876,429
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	26.000.290.269	14,815,414,612
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.515.856.456	1,924,084,965
314	4. Phải trả người lao động		6.480.580.995	9,109,888,013
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.453.501.617	3,596,580,335
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49,643,929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	111.821.486.440	8,980,244,178
320	8. Vay ngắn hạn	18	863.673.483.797	851,919,198,962
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	1,648,607,002
330	II. Nợ dài hạn		29.148.931.932	29.198.575.812
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
337	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		148.931.932	198,575,812
338	3. Vay dài hạn	19	29.000.000.000	29.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		226.660.694.470	217.208.126.085
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	226.660.694.470	217.208.126.085
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		182.700.000.000	182,700,000,000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(586.200.000)	(586,200,000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.071.115.794	9,071,115,794
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.475.778.676	26,023,210,291
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.403.808.064	11,460,237,841
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		27.071.970.612	14,562,972,450
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2,395,503,148,795	2.134.674.240.322

Tp. HCM. Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người Lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Chu Thị Bích Hồng

Phạm Chí Trực

Phạm Thị Mai Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025		Năm 2024	
			Quý IV	Lũy kế	Quý IV	Lũy kế
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.056.690.062.758	3.313.969.814.146	973.972.108.129	3.215.977.580.908
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	15.280.605.491	28.693.997.088	956.458.442	7.297.762.661
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.041.409.457.267	3.285.275.817.058	973.015.649.687	3.208.679.818.247
11	4. Giá vốn hàng bán	22	975.385.364.775	3.067.921.793.125	898.422.236.581	2.972.775.353.254
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.024.092.492	217.354.023.933	74.593.413.105	235.904.464.993
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	9.325.118.289	38.490.392.808	9.597.382.775	27.093.233.957
22	7. Chi phí tài chính	23	14.558.666.142	54.878.797.886	16.664.113.365	58.629.896.889
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.469.561.725	46.653.929.017	10.431.597.204	39.107.005.426
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(14.194.713)	(447.101.870)	62.299.092	(663.359.212)
25	9. Chi phí bán hàng	24	36.370.757.221	123.187.294.454	43.925.066.713	126.149.961.420
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	10.379.542.255	36.723.077.940	16.911.435.849	49.865.890.101
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.026.050.451	40.608.144.592	6.752.479.045	27.688.591.328
31	12. Thu nhập khác		(3.773.791.362)	772.682.106	74.476.418	840.740.363
32	13. Chi phí khác		172.125.175	599.537.900	790.697.336	1.322.156.492
40	14. Lợi nhuận khác	26	(3.945.916.537)	173.144.206	(716.220.918)	(481.416.129)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.080.133.914	40.781.288.798	6.036.258.127	27.207.175.199
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	1.325.846.411	6.425.798.186	3.132.039.974	8.137.437.338
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.754.287.503	34.355.490.612	2.904.218.153	19.069.737.861

Người Lập Biểu



Chu Thị Bích Hồng

Kế Toán Trưởng



Phạm Chí Trực

Tp. HCM, Ngày 20 Tháng 01 Năm 2026

Tổng Giám Đốc



Phạm Thị Mai Hương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.781.288.798	27.207.175.199
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	10.11	13.861.006.140	14,529,146,019
03	Các khoản dự phòng		5.533.002.391	12,271,760,727
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.679.449.494)	2,966,519,100
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.166.017.100)	8,888,288,719
06	Chi phí lãi vay		46.653.929.017	39,107,005,426
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		98.983.759.752	104.969.895.190
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(280.750.604.215)	1,367,508,668
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.445.169.387)	(26,604,858,277)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		277.307.404.262	(132,978,631,639)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		897.225.386	(248,495,360)
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.612.885.796)	(39,973,726,309)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.648.811.863)	(7,890,011,494)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(2.762.123.458)	(3,351,392,998)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.968.794.681	(104.709.712.219)
	II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.124.734.714)	(4,579,614,786)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		528.624.578	770,229,674
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(300.000.000)	
24	Tiền thu hồi do bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.640.230.730	
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.704.647	29,805,324
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.775.825.241	(3.779.579.788)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	2.885.237.785.370	2.612.693.397.228
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(2.873.483.500.535)	(2.523.499.978.980)
36	Cổ tức trả cổ đông	20.3	(16.424.034.000)	(9.021.075.311)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.669.749.165)	80.172.342.937
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		9.074.870.757	(28.316.949.070)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		21.918.032.395	50.493.258.886
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(53.339.820)	(258.277.421)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	4	30.939.563.332	21.918.032.395

004
CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG
PHỤ

Tp. HCM. Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người Lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc





Chu Thị Bích Hồng

Phạm Chí Trục

Phạm Thị Mai Hương

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo giấy Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010. và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L đường Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào 31 ngày tháng 12 năm 2025 là 369 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 392)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty [VND/USD] được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định [hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng] trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là [tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản/mua bán chuyển khoản trung bình] của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

83
TY
HÀN
HUNG
PHI
CY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

3.18 Các bên liên quan

THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	123.263.854	350.014.410
Tiền gửi ngân hàng	<u>30.816.299.478</u>	<u>21.567.348.007</u>
TỔNG CỘNG	<u>30.939.563.332</u>	<u>21.918.032.395</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	1.192.482.025.839	981.808.523.031
<i>Công ty TNHH Dược phẩm An Vương</i>	165.274.139.100	177.271.677.134
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng</i>	92.080.485.250	102.299.153.275
<i>Khách hàng khác</i>	935.127.401.489	701.699.929.767
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)</i>	<u>(42.068.123.742)</u>	<u>(31.616.948.811)</u>
Giá Trị Thuần	<u>1.150.413.902.097</u>	<u>950.191.574.220</u>

VND

5.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
TASLY PHARMACEUTICALGROUP CO, LTD		5.633.250.000
PRIME PHARMCEUTICALS LTD - INDIA		4.425.294.690
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VMED		3.257.163.000
CÔNG TY TNHH NOAH LEGEND	3.361.370.685	
EURO HEALTHCARE PTE LTD	1.725.863.436	
Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN. BHD	3.819.076.807	
EGIS PHARMACEUTICALS PLC	2.833.649.424	
Các khoản trả trước khác	<u>2.499.329.597</u>	<u>4.935.451.269</u>
Tổng cộng	<u>14.239.289.949</u>	<u>18.251.158.959</u>
<i>Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)</i>	<u>(216.106.684)</u>	<u>(278.011.205)</u>

VND

300
CỔ
CỔ
PHÂN
CỔ
HỘ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu lãi phạt trả chậm	1.338.975.324	1.372.947.026
Phải thu các khoản tạm ứng	1.200.776.401	3.730.080.545
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	37.099.264.987	29.164.537.400
Ký quỹ, ký cược	2.395.694.102	2.021.096.333
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	1.659.798.876	5.301.389.853
Phải thu ngắn hạn khác	33.583.196.924	6.417.767.923
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 7)</i>	<i>(3.914.610.839)</i>	<i>(3.857.901.376)</i>
Giá Trị Thuần	73.363.095.776	44.149.917.704
Dài hạn	650.000.000	650.000.000
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>650.000.000</i>	<i>650.000.000</i>

183
T
PH
R
P
C

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. NỢ QUÁ HẠN

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	66.914.621.195	(42.068.123.742)	24.846.497.453	41.990.003.062	(31.616.948.811)	10.373.054.251
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	19.954.092.956	(19.954.092.956)	-	20.080.940.506	(14.675.102.753)	5.405.837.753
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	2.634.126.445	(1.361.593.003)	1.272.533.442	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-
Trung tâm y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-
CÔNG TY TNHH ASIA MEDICAL FOOD	18.008.018.716	(3.569.545.903)	14.438.472.813	-	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN GRAVITAS	10.186.346.436	(2.594.488.474)	7.591.857.962	-	-	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	8.089.455.014	(6.545.821.778)	1.543.633.236	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174
Phải thu ngắn hạn khác	3.914.610.839	(3.914.610.839)	-	3.914.610.839	(3.857.901.376)	56.709.463
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU VẬT LIỆU XÂY DỰNG HẢI ĐĂNG KOKO	816.000.000	(816.000.000)	-	816.000.000	(816.000.000)	-
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	487.743.222	(487.743.222)	-	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	216.106.684	(216.106.684)	-	278.011.205	(278.011.205)	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	216.106.684	(216.106.684)	-	278.011.205	(278.011.205)	-
TỔNG CỘNG	71.045.338.718	(46.198.841.265)	24.846.497.453	46.182.625.106	(35.752.861.392)	10.429.763.714



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7.1 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	(35.752.861.392)	(24.961.572.180)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(13.919.965.158)	(11.595.002.339)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	3.473.985.285	803.713.127
Số cuối kỳ	(46.198.841.265)	(35.752.861.392)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	884.717.783.151	855.487.896.708
Hàng mua đang đi đường	42.633.944.253	35.418.661.309
TỔNG CỘNG	927.351.727.404	890.906.558.017
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.410.268)	(5.522.387.750)
Giá Trị Thuần	926.742.317.136	885.384.170.267

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	5.522.387.750	4.396.909.917
Dự phòng trích lập trong kỳ	10.990.042.826	7.932.773.105
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(13.123.670.759)	(354.993.682)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.779.349.549)	(6.452.301.590)
Số cuối kỳ	609.410.268	5.522.387.750

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng		1.090.909.101
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	45.993.487	
Số cuối kỳ	45.993.487	1.090.909.101
Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	537.396.791	1.607.639.423
Chi phí sửa chữa VP	1.367.598.909	149.666.049
Chi phí khác		
Số cuối kỳ	1.904.995.700	1.757.305.472
TỔNG CỘNG	1.950.989.187	2.848.214.573

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	<i>Nhà cửa. vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản cố định dùng cho quản lý</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	101.791.619.012	53.875.647.364	40.800.831.453	3.424.768.125	335.696.431	200.228.562.385
Mua sắm mới		297.225.825	601.608.889			898.834.714
Thanh lý		(701.339.100)	(2.323.852.016)	(285.462.914)		(3.310.654.030)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)		(277.888.968)	(12.272.547.570)
Số cuối năm	95.966.408.877	49.039.768.369	37.340.905.579	3.139.305.211	57.807.463	185.544.195.499
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	7.439.584.078	12.649.737.432	15.636.066.521	2.194.869.704	57.807.463	37.978.065.198
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	42.952.040.107	40.318.324.749	27.975.639.556	2.939.491.128	335.696.431	114.521.191.971
Khấu hao trong kỳ	4.348.740.049	4.279.042.378	2.202.610.765	150.796.716	-	10.981.189.908
Thanh lý		(651.660.970)	(2.323.852.016)	(285.462.914)	-	(3.260.975.900)
Giảm do thoái vốn Công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)		(277.888.968)	(12.272.547.570)
Số cuối năm	41.475.570.021	39.513.940.437	26.116.715.558	2.804.824.930	57.807.463	109.968.858.409
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414
Số cuối năm	54.490.838.856	9.525.827.932	11.224.190.021	334.480.281	-	75.575.337.090

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.785.991.638	95.550.215.507	98.336.207.145
Giảm do thoái vốn Công ty con	(164.025.638)	(467.777.662)	(631.803.300)
Số cuối năm	2.621.966.000	95.082.437.845	97.704.403.845
Trong đó:			
Đã khấu hao hết		558.677.536	558.677.536
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.595.658.504	18.066.706.564	19.662.365.068
Khấu hao trong kỳ	340.143.204	2.539.673.028	2,879,816,232
Giảm do thoái vốn Công ty con	(164.025.638)	(467.777.662)	(631,803,300)
Số cuối năm	1.771.776.070	20.138.601.930	21,910,378,000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.190.333.134	77.483.508.943	78.673.842.077
Số cuối năm	850.189.930	74.943.835.915	75.794.025.845

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	390.900.000	165.000.000
Khác	150.000.000	150.000.000
	540.900.000	315.000.000

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (TM số 12.2)	3.936.972.307	4.384.074.177
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	33.409.457.030	33.856.558.900

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

13.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm				Số đầu năm		
	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30,00%	3.936.972.307		30,00%	4.384.074.177	
TỔNG CỘNG			3.936.972.307	-		4.384.074.177	

Giá gốc đầu tư:

VND Số tiền

Số đầu năm và cuối năm

3.520.408.664

Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm

863.665.513

Phần lỗ Công ty liên kết trong năm

(447.101.870)

Số cuối năm

416.563.643

Giá trị còn lại:

Số đầu năm

4.384.074.177

Số cuối năm

3.936.972.307



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm		
	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương	Bất động sản	3,68%	22.983.000.000		3,68%	22.983.000.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Đông Dương	Bất động sản	3,82%	6.017.000.000		3,82%	6.017.000.000	
Công ty Cổ Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	0,86%	472.484.723		0,86%	472.484.723	
CỘNG			29.472.484.723	-		29.472.484.723	
Tổng cộng			33.409.457.030	-		33.856.558.900	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước		
- DALIAN CHAOHONG SUPPLY CHAIN MANAGEMENT CO ... LTD.	3.015.255.081	
- Công ty TNHH TM Dược phẩm Trường Tôn	5.052.302.300	3.378.237.903
- Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược	3.835.371.185	3.456.503.079
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhân Khoa Sài Gòn		1.090.991.078
- Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	689.429.140	2.072.402.180
- Công ty TNHH TM Quốc tế Ngọc Mỹ	4.468.351.745	
- Công ty TNHH Dược phẩm Tín Đức	3.105.000.000	
- Ban Quản lý dự án Long An	3.881.800.000	
- Người mua khác trả tiền trước	1.952.780.818	4.817.280.372
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 28)		
TỔNG CỘNG	26.000.290.269	14.815.414.612

33
TY
N
NG
SA
PH

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU - PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa			182.313.637.901	(181.512.810.858)	(789.242.755)		11.584.288
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		5.386.196	52.368.135.834		(52.540.840.420)	(167.318.390)	0
Thuế xuất nhập khẩu		3.137.587	6.461.855.339		(6.464.992.926)		0
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.548.860.088	6.425.798.185		(6.648.811.863)		1.325.846.411
Thuế thu nhập cá nhân		366.701.094	1.309.881.612		(1.498.156.949)		178.425.757
Các loại thuế khác			212.158.733		(-212.158.733)		0
Cộng		1.924.084.965	249,091,467,605	(181,512,810,858)	(68,154,203,646)	(167,318,390)	1,515,856,456

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.670.000.000	608.478.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.181.237.217	1.621.250.000
Chi phí phải trả khác	602.264.400	1.366.851.338
TỔNG CỘNG	3.453.501.617	3.596.580.335

Trong đó:

<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	1.065.634.897	1.302.821.535
---	---------------	---------------

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức	7.311.946.476	123.735.165
Phải trả hàng ủy thác nhập khẩu	1.090.370.147	6.578.410.880
Các khoản ký cược, ký quỹ	197.541.128	479.001.586
Hợp đồng tài chính Ngân hàng	99.772.805.225	
Phải trả khác	3.448.823.464	1.799.096.547
TỔNG CỘNG	111.821.486.440	8.980.244.178

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu kỳ	1.648.607.002	
Trích lập quỹ trong kỳ	1.231.482.227	5.000.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.880.089.229)	(3.351.392.998)
Số cuối kỳ	-	1.648.607.002

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. VAY

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.1)	851.322.198.962	851.322.198.962	2.885.237.785.370	2.872.986.500.535	863.573.483.797	863.573.483.797
Vay cá nhân	597.000.000	597.000.000		497.000.000	100.000.000	100.000.000
CỘNG	851.919.198.962	851.919.198.962	2.885.237.785.370	2.873.483.500.535	863.673.483.797	863.673.483.797
Dài hạn						
Vay ngân hàng						
Vay đối tượng khác	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
CỘNG	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	880.919.198.962	880.919.198.962	2.885.237.785.370	2.873.483.500.535	892.673.483.797	892.673.483.797

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng khác

	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất % năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN HCM	449.152.811.079	Từ ngày 27 tháng 02 năm 2026 đến 25 tháng 06 năm 2026	5,2 - 7,3	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 280.000.000.000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 240.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng SHINHAN BANK	50.000.000.000	Từ ngày 19 tháng 05 năm 2026 đến 26 tháng 06 năm 2026	5,3 - 6,0	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 50.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	172.270.471.681	Từ ngày 26 tháng 02 năm 2026 đến 31 tháng 05 năm 2026	5,15 - 7,75	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tài sản bảo đảm bằng 467.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	192.150.201.037	Từ ngày 15 tháng 04 năm 2026 đến 30 tháng 06 năm 2026	5,0 - 7,0	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng 250.000.000.000 VNĐ của Công ty và một phần hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển 250.000.000.000 VNĐ
Tổng cộng	863.573.483.797			

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024							
Năm trước							
- Số đầu năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
- Lợi nhuận trong kỳ						19.069.737.861	19.069.737.861
- Trả cổ tức						(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi						(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Giảm khác		(213.663.933)		8.843.840.445		493.234.589	9.123.411.101
Số cuối năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085
Năm nay							
- Số đầu năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085
- Lợi nhuận trong kỳ						34.355.490.612	34.355.490.612
- Trả cổ tức (*)						(16.387.920.000)	(16.387.920.000)
- Cổ tức ứng trước đợt 1 năm 2025 (*)						(7.283.520.000)	(7.283.520.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)						(1.231.482.227)	(1.231.482.227)
Số cuối năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	0	9.071.115.794	35.475.778.676	226.660.694.470



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VNĐ	Tỷ lệ	VNĐ	Tỷ lệ
Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP	121.225.000.000	66,35%	121.225.000.000	66,35%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	18,99%	34.700.000.000	18,99%
Các cổ đông khác	26.775.000.000	14,66%	26.775.000.000	14,66%
	182.700.000.000	100,00%	182.700.000.000	100,00%

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	182.700.000.000	182.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2024		9.104.400.000
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2025	16.387.920.000	
Tạm ứng đợt 1 Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2025	7.283.520.000	

20.4 Cổ phiếu phổ thông

	Số lượng (Cổ phiếu)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.208.800	18.208.800

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu:	3.313.969.814.146	3.215.977.580.908
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	3.258.693.025.756	3.175.304.428.785
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.276.788.390	40.673.152.123
Các khoản giảm trừ doanh thu	28.693.997.088	7.297.762.661
Giảm giá hàng bán	1.694.428.195	812.084.413
Chiết khấu thương mại		1.039.546.397
Hàng bán trả lại	26.999.568.893	5.446.131.851
Doanh thu thuần	<u>3.285.275.817.058</u>	<u>3.208.679.818.247</u>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	31.704.647	29.805.324
Chiết khấu thanh toán được hưởng	11.609.886.551	13.786.794.501
Lãi bán hàng trả chậm	2.399.636.562	3.397.235.049
Lãi thoái vốn Công ty con	5.103.308.961	
Doanh thu tài chính khác	5.466.709.859	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	11.199.696.734	9.879.399.083
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	2.679.449.494	
TỔNG CỘNG	<u>38.490.392.808</u>	<u>27.093.233.957</u>

22. GIÁ VỐN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.055.652.740.722	2.969.418.824.523
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.058.359.126	1.876.057.216
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.210.693.277	1.480.471.515
TỔNG CỘNG	<u>3.067.921.793.125</u>	<u>2.972.775.353.254</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	46.653.929.017	39.107.005.426
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.107.403.060	16.556.372.363
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm		2.966.519.100
Chi phí tài chính khác	117.465.809	
TỔNG CỘNG	54.878.797.886	58.629.896.889

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	66.018.896.086	70.064.271.881
Chi phí nguyên vật liệu	2.633.562.880	2.054.471.333
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11.954.396.640	12.687.712.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.572.298.010	18.450.137.191
Chi phí bán hàng khác	22.008.140.838	22.893.368.021
TỔNG CỘNG	123.187.294.454	126.149.961.420
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3.608.522.725	3.500.765.000
Chi phí dụng cụ quản lý	1.115.502.306	1.534.417.011
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.819.605.213	1.725.427.309
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.445.979.873	10.791.289.212
Thuế, phí và lệ phí	485.782.411	64.593.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.171.149.654	15.703.340.340
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.076.535.758	16.546.058.220
TỔNG CỘNG	36.723.077.940	49.865.890.101

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa để bán	3.055.652.740.722	2.969.418.824.523
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.749.065.186	3.588.888.344
Chi phí nhân công	69.627.418.811	73.565.036.881
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13.774.001.853	14.413.140.303
Chi phí trích lập dự phòng	10.445.979.873	12.271.760.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.743.447.664	36.029.534.747
Chi phí bằng tiền khác	30.570.459.007	39.504.019.250
TỔNG CỘNG	<u>3.215.563.113.116</u>	<u>3.148.791.204.775</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	772.682.106	840.740.363
Lãi thanh lý tài sản	709.518.838	375.441.681
Khác	63.163.268	465.298.682
Chi phí khác	599.537.900	1.322.156.492
Phạt vi phạm hành chính	238.090.346	339.644.364
Chi phí khác	361.447.554	982.512.128
LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	173.144.206	(481.416.129)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.425.798.186	6.828.768.156
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước		1.308.669.182
TỔNG CỘNG	<u>6.425.798.186</u>	<u>8.137.437.338</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

27.2 Thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.781.288.798	27.207.175.199
Các khoản điều chỉnh tăng	7.431.813.947	5.881.273.912
Chi phí không được khấu trừ thuế	586.277.700	1.282.755.559
Dự phòng các khoản đầu tư		4.162.518.353
Dự phòng công nợ	6.164.034.377	
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	234.400.000	436.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng khác	447.101.870	
Các khoản điều chỉnh giảm	(16.084.111.816)	(4.434.379.581)
Hoàn nhập dự phòng công nợ	(1.113.406.730)	(1.643.404.974)
Hoàn nhập khác	(9.867.396.125)	(2.790.974.607)
Lợi nhuận từ thanh lý Công ty con	(5.103.308.961)	
Lợi nhuận trước thuế ước tính trong kỳ	32.128.990.929	28.654.069.530
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế 20%	32.128.990.929	34.143.840.777
Lỗ tính thuế		(5.489.771.247)
Thuế TNDN hiện hành	6.425.798.186	6.828.768.155
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	166.335.920
Điều chỉnh nộp theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước	-	1.142.333.262
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.425.798.186	8.137.437.337

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam _ CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Công ty con đến ngày 25 tháng 6 năm 2025
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	Cổ tức công bố	15.759.250.000	6.061.250.000
	Cổ tức đã trả	10.910.250.000	6.061.250.000
	Hoàn lại cho thuê kho	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức công bố	4.511.000.000	1.735.000.000
	Cổ tức đã trả	3.123.000.000	1.735.000.000
	Mua hàng hóa	-	207.966.171
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa		305.174.992

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	-	6.471.014
		1.065.634.897	1.302.821.535

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	720.000.000	1.080.000.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc đến ngày 18/04/2025	945.000.000	952.500.000
	Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/10/2025		
Bà Đinh Thị Khởi	Phó TGDĐ đến 28/02/2025	110.000.000	759.000.000
Bà Phạm Thị Mai Hương	Tổng Giám đốc từ 18/04/2025	689.375.000	
Bà Nguyễn Thị Thùy Hương	Phó TGDĐ từ ngày 02/06/2025	445.625.000	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	100.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	75.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	75.000.000
Tổng cộng		3.090.000.000	3.041.500.000

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong kỳ

		Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	75.000.000
Ông Nguyễn Văn Khải			8.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	24.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	24.000.000	22.000.000
TỔNG CỘNG		108.000.000	135.000.000

Căn cứ thông báo số 579/2025/TB-CDP ngày 05/06/2025 về việc truy thu tiền thường tháng 13/2024 của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát. Công ty đã điều chỉnh thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2024.

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dưới 1 năm	940.000.000	7.420.800.000
Trên 1 - 5 năm	12.277.300.000	14.331.000.000
Trên 5 năm	-	-
TỔNG CỘNG	13.217.300.000	21.751.800.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	102.278	1.192
- EURO (EUR)	937	1.041
2. Hàng hóa giữ hộ bên thứ ba (đơn vị tính)		
Hộp	740.199	1.095.880
Ống	93.809	9
Cái	14.000	-
Tuýp	124.567	27.877
Chai	72.133	20.100
Khác	84.299	29.438

Người lập biểu

Chu Thị Bích Hồng

Kế toán trưởng

Phạm Chí Trực

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám Đốc



Phạm Thị Mai Hương

